

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **4314**/BKHHĐT-KTDV

Hà Nội, ngày **28** tháng 6 năm 2022

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (golf).

Kính gửi:

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 6 Mục II Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Thông tư hướng dẫn đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn được quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (sao gửi kèm theo).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu góp ý kiến đối với nội dung dự thảo Thông tư. Đối với các Bộ: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị góp thêm ý kiến bổ sung các tiêu chí xét duyệt trúng thầu tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Thông tư. Văn bản góp ý của Quý Cơ quan xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/7/2022 để tổng hợp, tiếp thu, chỉnh lý trước khi ban hành.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. /m

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử Bộ KHĐT;
- Các đơn vị: QLĐT, ĐTNN; PC, QLQH, KHGD TN&MT, NN&PTNT, KT&DP<, GS&TĐĐT (để góp ý);
- Lưu: VT, Vụ KTDV (T3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Duy Đông

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (golf)

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế dịch vụ;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư xây dựng mới dự án sân gôn gồm đường gôn và công trình phụ trợ theo hình thức đấu thầu quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

Điều 3. Điều kiện đấu thầu dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn

1. Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất được duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, thuộc khu đất do Nhà nước đang quản lý, sử dụng mà sẽ

được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư được chấp thuận.

2. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 hoặc quy hoạch phân khu đô thị có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 theo quy định của pháp luật.

3. Không đủ điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 4. Danh mục dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn phải lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu

1. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời là văn bản quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư.

2. Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án. Nội dung công bố thông tin:

- Tên dự án; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, vốn đầu tư; phương án huy động vốn; thời hạn, tiến độ đầu tư;

- Thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;

- Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;

- Thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trực tiếp tại Cơ quan đăng ký đầu tư và trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu có áp dụng);

- Các thông tin khác (nếu cần thiết).

3. Danh mục dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn phải tổ chức đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 5. Trình tự, thủ tục, quy trình thẩm định đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Trình tự, thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (đã được sửa đổi bổ

sung tại khoản 7 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư).

2. Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi nhà đầu tư thực hiện tương tự như đối với quy trình đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 6. Lập yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ mời thầu dự án đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf

1. Thông báo mời quan tâm, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ mời thầu được xây dựng trên cơ sở chỉnh sửa mẫu hồ sơ quy định tại Phụ lục VI và VII ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định tại Thông tư này, bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế (trong đó không áp dụng giá trị m³).

2. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm chỉ được nêu các nội dung nhằm mục đích duy nhất là lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm; không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Điều 7. Chuẩn bị, nộp và đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu có áp dụng) căn cứ nội dung thông tin được công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

3. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này.

4. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện là bên mời thầu.

5. Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

6. Căn cứ quyết định, chấp thuận của cấp có thẩm quyền quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc thông báo kết thúc thủ tục công bố Danh mục dự án trong trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì nhà đầu tư đó nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

7. Doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư trúng thầu đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan (nếu có).

Điều 8. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

1. Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được cập nhật hoặc bổ sung (nếu cần thiết). Trường hợp liên danh, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.

2. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về kỹ thuật:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

- Sự phù hợp của mục tiêu dự án do nhà đầu tư đề xuất với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 hoặc quy hoạch phân khu đô thị có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu về quy mô dự án, giải pháp kiến trúc, công năng cơ bản của công trình dự án;

- Yêu cầu về môi trường và an toàn;

- Các tiêu chuẩn khác phù hợp với từng dự án cụ thể.

b) Phương pháp đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải quy định mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu quy định tại điểm a khoản này không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó.

Cơ cấu về tỷ trọng điểm tương ứng với các nội dung quy định tại điểm a khoản này phải phù hợp với từng dự án cụ thể nhưng phải đảm bảo tổng tỷ trọng điểm bằng 100%.

3. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại

- Tiêu chuẩn về tổng chi phí thực hiện dự án (M1);
- Tiêu chuẩn về giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2);

Trong đó:

+ m1 là sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất do bên mời thầu xác định theo quy định liên quan của pháp luật về xây dựng;

M1 là tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu căn cứ nội dung m1 được xác định trong hồ sơ mời thầu;

+ m2 là chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phân diện tích đất cần giải phóng mặt bằng do bên mời thầu xác định trên cơ sở: bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất (nếu có), chi phí bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, tài sản trên đất; thiệt hại về sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất (nếu có), tiền hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (nếu có) gồm: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ khác, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng;

M2 là giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu căn cứ nội dung m2 được xác định trong hồ sơ mời thầu.

Trường hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt thấp hơn giá trị M2 thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn giá trị M2 thì nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt, giá trị phần thiếu hụt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Nhà đầu tư sẽ được khấu trừ giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được duyệt vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng không vượt quá

số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối với số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng còn lại theo phương án được duyệt chưa được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (nếu có) thì được tính vào vốn đầu tư của dự án.

b) Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại:

Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại được xem xét dựa trên việc đáp ứng các điều kiện sau: Nhà đầu tư có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M1) không thấp hơn m1 ($M1 \geq m1$), giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2) không thấp hơn m2 ($M2 \geq m2$).

Việc xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 9. Các điều kiện và tiêu chí xét duyệt trúng thầu

1. Nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn thông qua hình thức đấu thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có hồ sơ dự thầu hợp lệ.
- b) Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu.
- c) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.
- d) Có đề xuất về tài chính - thương mại đáp ứng yêu cầu.

2. Nhà đầu tư trúng thầu là nhà đầu tư có tổng điểm các tiêu chí cao nhất với thang điểm 100 (trường hợp tổng điểm các tiêu chí bằng nhau thì lựa chọn nhà đầu tư có các tiêu chí cao hơn theo thứ tự quy định tại khoản này đảm bảo nguyên tắc nội dung trước đã có nhà thầu đáp ứng thì không xem xét đến nội dung sau) theo quy định sau:

a) Tiêu chí về thiết kế, kiến trúc (Lựa chọn nhà đầu tư đề xuất phương án thiết kế, kiến trúc, kỹ thuật đạt chuẩn quốc tế, có các tiện ích khép kín (đường đi, bãi gửi xe cho người chơi, khu vực nhà hàng, nghỉ ngơi, phòng tắm...) đi kèm phục vụ người chơi gôn: từ 15 đến 25 điểm.

b) Tiêu chí về quy mô sử dụng đất của dự án (Lựa chọn nhà đầu tư có đề xuất về quy mô sử dụng đất của dự án tiết kiệm hơn theo quy định về diện tích tối đa của sân gôn tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020): từ 10 đến 20 điểm.

c) Tiêu chí về môi trường, cảnh quan (Lựa chọn nhà đầu tư có giải pháp công nghệ bảo vệ môi trường, xử lý nước thải, giữ gìn cảnh quan, giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên và sinh thái khu đất thực hiện dự án...): từ 10 đến 20 điểm.

d) Tiêu chí về năng lực tài chính để thực hiện dự án (Lựa chọn nhà đầu tư có vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về đất đai nhiều hơn, nhà đầu tư sử dụng vốn vay cho dự án thấp hơn...): từ 10 đến 15 điểm.

đ) Tiêu chí về tiến độ thực hiện dự án, đưa công trình vào sử dụng (Lựa chọn nhà đầu tư có đề xuất thời gian thực hiện ngắn nhất): từ 5 đến 10 điểm.

e) Tiêu chí về an sinh xã hội (Lựa chọn nhà đầu tư có cam kết hỗ trợ tái định cư, đào tạo và sử dụng lao động địa phương nhiều hơn): từ 5 đến 10 điểm.

Điều 10. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, danh sách xếp hạng nhà đầu tư hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
4. Thực hiện công việc khác thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật Đấu thầu.

Điều 11. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định tại Điều 75 của Luật Đấu thầu.
2. Thực hiện các công việc khác về lựa chọn nhà đầu tư theo ủy quyền của cấp trên.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị thẩm định

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung sau đây:

a) Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư và kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người có thẩm quyền;

b) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trường hợp các nội dung này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Trường hợp thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, bộ phận có chức năng về kế hoạch, tài chính của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp danh mục dự án đã được công bố và có hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm mà đến thời điểm Thông tư

này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì nội dung hồ sơ mời thầu được xây dựng theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf đã phát hành hồ sơ mời thầu trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu trên cơ sở các hồ sơ mời thầu đã phát hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSNDTC, Tòa án NDTC, Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ban Quản lý các KCN, KCX, KCNC và KKT;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT, Cổng TTĐT Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ KTDV ()

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

- 1) Các Bộ: Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Công an; Quốc phòng; Tư pháp; Khoa học công nghệ; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (10).
- 2) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- 3) Các đơn vị như nơi nhận văn bản.